

BỘ CHỈ SỐ

**Đánh giá công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và
UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của UBND tỉnh Lai Châu*

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

Đánh giá một cách thực chất, khách quan, toàn diện và công bằng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành (sau đây gọi tắt là các sở) và Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là các xã) trong quá trình thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ và Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 của UBND tỉnh.

Đánh giá định lượng, kết hợp với định tính; đánh giá kết quả cải cách hành chính với tác động của cải cách hành chính; kết hợp đánh giá bên trong của các cơ quan hành chính nhà nước và đánh giá bên ngoài của người dân đối với kết quả cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan hành chính nhà nước.

So sánh kết quả cải cách hành chính hàng năm của các sở, các xã; đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế để có giải pháp cải thiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính hàng năm.

2. Yêu cầu

a) Chỉ số cải cách hành chính bám sát nội dung Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ; Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 của UBND tỉnh và phù hợp với đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của các sở, các xã.

b) Phương pháp đánh giá khoa học, phù hợp, khách quan, minh bạch; đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế và phản ánh thực chất, công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm ở các sở, các xã.

c) Tăng cường sự tham gia đánh giá của cá nhân, tổ chức đối với quá trình triển khai cải cách hành chính của các sở, các xã.

d) Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, từng bước ổn định trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh tới cơ sở.

e) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin để nâng cao tính công khai, minh bạch và khách quan trong công tác theo dõi, đánh giá.

3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hằng năm của các sở, các xã.

b) Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.
- Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc tỉnh.

II. NỘI DUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Chỉ số cải cách hành chính của các sở (quy định chi tiết tại Phụ lục 01)

a) Bộ tiêu chí đánh giá kết quả cải cách hành chính của các sở được cấu trúc thành 8 lĩnh vực đánh giá, 42 tiêu chí và 57 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành: 6 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần.
- Cải cách thể chế: 4 tiêu chí và 4 tiêu chí thành phần.
- Cải cách thủ tục hành chính: 6 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 4 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.
- Cải cách chế độ công vụ: 6 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tài chính công: 5 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần.
- Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước: 4 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần.
- Tác động của cải cách hành chính: 7 tiêu chí.

b) Điểm đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các sở theo thang điểm 100, trong đó:

- + Điểm thẩm định là 78/100.
- + Điểm điều tra xã hội học là 22/100.

2. Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan đặc thù

2.1. Sở Dân tộc và Tôn giáo; Thanh tra tỉnh; Sở Ngoại vụ (quy định chi tiết tại Phụ lục 02).

- Bộ tiêu chí được cấu trúc thành 8 lĩnh vực với 39 tiêu chí và 50 tiêu chí thành phần.

- Điểm đánh giá là 92 điểm, trong đó: Điểm thẩm định là 70 điểm và điểm điều tra xã hội học là 22,0 điểm.

2.2. Văn phòng UBND tỉnh (*quy định chi tiết tại Phụ lục 03*).

- Bộ tiêu chí được cấu trúc thành 8 lĩnh vực với 37 tiêu chí và 41 tiêu chí thành phần.

- Điểm đánh giá là 76 điểm, trong đó: Điểm thẩm định là 57 điểm và điểm điều tra xã hội học là 19 điểm.

3. Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính của các xã (*quy định chi tiết tại Phụ lục 04*)

a) Bộ tiêu chí đánh giá kết quả cải cách hành chính của các xã được cấu trúc thành 8 lĩnh vực đánh giá, 47 tiêu chí và 53 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành: 7 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần.
- Cải cách thể chế: 4 tiêu chí và 4 tiêu chí thành phần.
- Cải cách thủ tục hành chính: 6 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 4 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần.
- Cải cách chế độ công vụ: 6 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tài chính công: 6 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần.
- Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước: 4 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần.
- Tác động của cải cách hành chính đến người dân và phát triển kinh tế - xã hội: 10 tiêu chí và 02 tiêu chí thành phần.

b) Điểm đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các xã theo thang điểm 100, trong đó:

- Điểm thẩm định là 76/100 (*73 điểm đánh giá kết quả thực hiện, 3 điểm đánh giá tác động đến phát triển – kinh tế xã hội địa phương*)

- Tác động của cải cách hành chính đến sự hài lòng của người dân: 5/100 điểm (đánh giá qua kết quả điều tra Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước)

- Điểm điều tra xã hội học là 19/100.

4. Phương pháp đánh giá

- Tự đánh giá của các sở, các xã

+ Các sở, các xã tự theo dõi, đánh giá và cho điểm thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của đơn vị theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ Chỉ số cải cách hành chính và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điểm các sở, các xã tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Phụ lục 1,2,3,4.

+ Điểm tự đánh giá của các sở, các xã được Hội đồng thẩm định xác định Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết. Kết quả điểm do Hội đồng thẩm định của tỉnh được thể hiện tại cột “Kết quả thẩm định” của Phụ lục 1,2,3,4.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học

+ Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học được quy định cụ thể tại cột “Ghi chú” của Phụ lục 1,2,3,4. Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau theo Kế hoạch triển khai hàng năm của UBND tỉnh.

+ Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí điều tra xã hội học của Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, các xã.

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Điều tra xã hội học” tại Phụ lục 1,2,3,4.

5. Tính toán, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, các xã

- Tổng hợp điểm đánh giá qua điều tra xã hội học và điểm thẩm định được thể hiện tại cột “Điểm đạt được” tại Phụ lục 1,2,3,4.

- Chỉ số cải cách hành chính được xác định bằng tỉ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa. Chỉ số cải cách hành chính được thể hiện ở cột “Chỉ số” tại Phụ lục 1,2,3,4.

6. Xếp xếp loại Chỉ số CCHC

Kết quả Chỉ số CCHC được xếp loại theo 04 mức độ như sau:

- Mức XUẤT SẮC tương ứng với kết quả Chỉ số CCHC đạt từ 90% trở lên;
- Mức TỐT tương ứng với kết quả Chỉ số CCHC đạt từ 80% - dưới 90%;
- Mức TRUNG BÌNH tương ứng với kết quả Chỉ số CCHC đạt từ 70% - dưới 80%;
- Mức THẤP tương ứng với kết quả Chỉ số CCHC đạt dưới 70%.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

1.1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở: Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ và Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn tự chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Quyết định này.

Là cơ quan thường trực cho Hội đồng thẩm định xác định Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng và Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung xác định Chỉ số cải cách hành chính theo quy định tại Quyết định này.

b) Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, các xã; tham

mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định để xem xét, đánh giá kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các sở, các xã.

c) Tổ chức điều tra xã hội học: Nghiên cứu, xác định đối tượng điều tra xã hội học và xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học phù hợp với từng nhóm đối tượng; xác định quy mô mẫu phiếu điều tra xã hội học; xác định phương thức điều tra xã hội học phù hợp với điều kiện thực tế; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện điều tra xã hội học phục vụ cho việc xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, các xã.

d) Tổng hợp, phân tích số liệu và xây dựng báo cáo Chỉ số cải cách hành chính của các sở, các xã. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để tham mưu UBND tỉnh Quyết định phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, các xã.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát nội dung Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường để tham mưu UBND tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung Bộ chỉ số phù hợp với điều kiện thực tế theo từng năm hoặc giai đoạn cụ thể.

e) Hàng năm xây dựng dự toán chi tiết kinh phí phục vụ công tác đánh giá Chỉ số cải cách hành chính.

1.2. Các sở, các xã

a) Triển khai việc xác định Chỉ số cải cách hành chính theo quy định tại Quyết định này và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

b) Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo tự chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của sở, xã theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

c) Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc tổ chức điều tra xã hội học để xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, các xã.

d) Các Sở: Tư pháp; Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chủ động thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực đơn vị mình phụ trách; đồng thời, phối hợp với Sở Nội vụ trong việc theo dõi, đánh giá xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với từng lĩnh vực được UBND tỉnh giao. Cử lãnh đạo, công chức tham gia Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, các xã.

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước. Hàng năm Sở Tài chính phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện việc xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, các xã theo khả năng cân đối ngân sách và các văn bản quy định hiện hành.

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính hằng năm thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện Quyết định này. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh, báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.